TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số 03/2022/DSST
Ngày 14-6-2022
"v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Nhung
2. Bà Phan Thị Chương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Giang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* ông Nay San - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn Mới, xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Ngọc H, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Thu B, sinh năm 1986
Nơi ĐKKHKTT: Thôn Mới, xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.
Chỗ ở hiện nay: Buôn Puh Chik, xã Ia Rsai, huyện Krông Pa-Gia Lai(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: bà và vợ chồng ông Hiếu, bà Báu có quen biết nhau nên vào ngày 25/5/2020 vợ chồng ông H, bà B có đến nhà và hỏi vay mượn số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận, không ghi lãi suất cụ thể trong giấy vay nợ mà hai bên tự thỏa thuận miệng là 3%/tháng và hẹn trả số tiền gốc và lãi vào ngày 25/7/2020. Nhưng khi đến hẹn, vợ chồng ông H, bà B chỉ trả cho bà M số tiền lãi và còn nợ lại tiền gốc. Sau đó, vợ chồng ông H, bà B tiếp tục thỏa thuận với bà M hẹn

trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tính lãi suất theo thỏa thuận miệng là 3%/tháng vào ngày 25/6/2021. Tuy nhiên, khi đến hẹn trả nợ là ngày 25/6/2021 vợ chồng ông H, bà B chỉ trả tiền lãi cho bà M, còn số tiền nợ gốc vợ chồng ông H, bà B không trả mặc dù bà M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, B Phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vợ chồng ông H, bà B vẫn không trả nên bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ngô Ngọc H, bà Phạm Thị Thu B phải liên đới trả cho bà M số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng kể từ ngày 26/6/2021 cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M yêu cầu vợ chồng ông H, bà B phải liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi suất quá hạn là 1,66%/tháng kể từ ngày 26/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/6/2022.

2. Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Ngọc H, bà Phạm Thị Thu B trình bày: Vào ngày 25/5/2020 vợ chồng ông bà có đến nhà bà M vay số tiền 400.000.000 đồng để đầu tư làm ăn, buôn bán nông sản thu mua mì và đầu tư cho dân. Khi đến vay thì bà B là người trực tiếp viết giấy nhận nợ có chữ ký của bà B và chồng là Ngô Ngọc H xác nhận vào giấy nhận nợ; lãi suất do các bên thỏa thuận lúc đó là 3%/tháng. Khi đến hẹn như trong giấy nhận nợ thì do chưa thu được tiền đầu tư nên vợ chồng ông bà chỉ thanh toán tiền lãi cho bà M đến ngày 25/6/2021 như bà M trình bày là đúng sự thật. Còn đối với số tiền nợ gốc vợ chồng ông bà không có khả năng trả ngay một lần mà hẹn trả cho bà M số tiền nợ gốc và lãi vào tháng 01/2023.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ là Giấy nhận nợ được ghi trên giấy vở học sinh ô ly, mực xanh có nội dung: ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B có mượn của bà Nguyễn Thị M cư trú tại Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mượn số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Lãi xuất hai bên thỏa thuận. Thời hạn hoàn trả số tiền nói trên là 2 tháng kể từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/7/2020. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B có nợ bà M số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là 02 tháng, nhưng đến thời hạn trả thì ông H bà B đã gia hạn nợ thêm và trả lãi đến ngày 25/6/2021. Kể từ ngày 26/6/2021 bà M nhiều lần yêu cầu ông H, bà B trả tiền nhưng ông H, bà B không chịu trả nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất quá hạn là1.66%/tháng kể từ ngày 26/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/6/2022 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463; Khoản 1, Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 27 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 77.245.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn lăm ngàn đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

2. Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B cùng liên đới trả số tiền đã vay là 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất quá hạn 1,66%/tháng kể từ ngày 26/6/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 14/6/2022.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tờ giấy viết tay bản chính, Tòa án thu thập theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ nên có giá trị để xem xét. Nội dung của tờ giấy mượn tiền là "Hôm nay, ngày 25/5/2020; Tôi tên : Ngô Ngọc H, vợ tên Phạm Thị Thu B; Cư trú tại Thôn Mới, xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Nay tôi làm giấy này là để làm cơ sở pháp lý sau này: Vợ chồng có nhờ bà Nguyễn Thị M cư trú tại Chư Rcăm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mượn số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Lãi xuất hai bên thỏa thuận, có gì sai trái tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thời hạn hoàn trả số tiền nói trên là 2 tháng kể từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/7/2020. chồng ký Ngô Ngọc H và vợ ký Phạm Thị Thu B cùng ký". Bị đơn ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B có công nhận nội dung trên là chữ ký và chữ viết là bà B trực tiếp ghi nội dung, chữ ký là do ông H, bà B trực tiếp ký, không có sự ép buộc nào cả mà do họ tự nguyện. Vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định việc bà Mai có cho ông Ngô Ngọc H, bà Phạm Thị Thu B vay số tiền là 400.000.000 đồng và hẹn 02 tháng sau sẽ trả, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B không chịu trả tiền mặc dù bà Mai đến đòi nhiều lần. Việc ông Ngô Ngọc H, bà Phạm Thị Thu B không thực hiện việc trả tiền cho bà M là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất 3%/tháng mà các đương sự tự thỏa thuận miệng với nhau và đã thanh toán xong. Tại phiên tòa, các bên đương sự không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì về số tiền lãi đã thanh toán nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn 1,66%/tháng của số tiền nợ gốc đã vay là 400.000.000 đồng kể từ ngày 26/6/2021 đến ngày 14/6/2022. Theo Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được quá 20%/năm của khoản tiền vay (không được vượt quá 1,66%/tháng) và theo quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự thì khi đến hạn vay bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% (bằng 2,5%) lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn 1,66%/tháng của số tiền 400.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Thời gian tính tiền lãi quá hạn từ ngày 26/6/2021 đến ngày 14/6/2022 là 11 tháng 19 ngày. Vậy tiền lãi quá hạn được tính là 400.000.000 đồng x 1.66% x 11 tháng 19 ngày = 77.245.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 400.000.000 đồng (tiền gốc) + 77.245.000 đồng (tiền lãi quá hạn) = 477.245.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

Xét đề nghị của bị đơn xin được trả số tiền nợ gốc và tiền lãi vào tháng 01/2023. Nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, buộc ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tổng cộng là 477.245.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 77.245.000 đồng

-*Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 477.245.000 đồng. Ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải liên đới nộp 20.000.000 đồng + 4% x 77.245.000 đồng (số tiền vượt quá 400.000.000đ) = 23.089.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mai toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 463; Khoản 1, Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 – Luật hôn nhân và đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tổng cộng là 477.245.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi là 77.245.000 đồng (bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc ông Ngô Ngọc H và bà Phạm Thị Thu B phải liên đới nộp 23.089.800 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* theo biên lai thu số 0004842 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử - Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Nhung - Phan Thị Chương Ksor Pep